

Phụ lục II
KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 CỦA THỊ XÃ BUỒN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
				Phường An Bình	Phường An Lạc	Phường Bình Tân	Phường Đạt Hiếu	Phường Đoàn Kết	Phường Thiện An	Phường Thống Nhất	Xã Bình Thuận	Xã Ea Blang	Xã Ea Drông	Xã Ea Siên
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(14)	(15)	(16)
	Tổng diện tích (1+2)		70,41	14,71	15,93	0,04	9,12	8,69	17,73	0,04	2,11	-	2,00	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	59,09	9,89	14,71	0,04	6,20	8,54	16,41	0,04	1,22	-	2,00	-
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2,53	0,20	1,50	-	0,30	-	0,23	-	0,07	-	0,21	-
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	56,56	9,69	13,21	0,04	5,90	8,54	16,18	0,04	1,15	-	1,79	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	11,32	4,82	1,22	-	2,92	0,15	1,32	-	0,89	-	-	-
1.1	Đất phát triển hạ tầng	DHT	5,44	4,48	0,16	-	0,47	-	0,33	-	-	-	-	-
	Đất giao thông	DGT	0,98	0,17	0,12	-	0,47	-	0,22	-	-	-	-	-
	Đất cơ sở giáo dục-đào tạo	DGD	0,15	-	0,04	-	-	-	0,11	-	-	-	-	-
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa...	NTD	4,31	4,31	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,89	-	-	-	-	-	-	-	0,89	-	-	-
1.3	Đất ở tại đô thị	ODT	4,99	0,34	1,06	-	2,45	0,15	0,99	-	-	-	-	-